TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2018/HS-PT Ngày 08-5-2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Hiền.

Bà Vũ Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Minh Thư - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 20/2018/TLPT-HS ngày 13/3/2018 đối với các bị cáo Đào Văn M và Nguyễn Đức T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

** Các bị cáo không có kháng cáo, bị kháng nghị*:

1. Đào Văn M, sinh năm 1988; sinh trú quán: thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn D và bà Nguyễn Thị Ng; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2017, sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

2. Nguyễn Đức T, sinh năm 1985; sinh trú quán: thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Bản án số 22/2011/HSST ngày 17/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện K, xử 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2017, sau đó chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

** Người bị hại không kháng cáo*:

+ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982; (Có mặt).

+ Anh Vũ Thế A- Sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Đều trú tại: thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn X - Sinh năm 1959. (Vắng mặt).

Trú tại: thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 10/9/2017 tại gia đình chị Hoàng Thị H, sinh năm 1982 (chồng là Vũ Thế A- sinh năm 1979) ở thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T đã lợi dụng gia đình chị H vắng nhà, T ở ngoài cảnh giới, còn M đã lén lút dùng móc sắt phá khóa cửa đột nhập vào trong nhà chị H rồi dùng tuốc nơ vít, móc sắt và dao cậy két sắt trộm cắp các tài sản gồm 04 tập tiền (gồm: 01 tập tiền buộc nhiều tập loại mệnh giá 200.000 đồng và 03 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số là 201.900.000 đồng). M tiếp tục lấy 05 hộp nhựa đựng trang sức màu hồng (bên trong các hộp có: 05 nhẫn vàng; 01 đôi hoa tai vàng; 01 vòng tay vàng; 01 dây chuyền vàng). Sau khi lấy được tiền và vàng, M và T đi đến Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chơi. T hỏi M "có lấy được gì không", thì M nói "lấy được tiền và vàng". M đã đưa cho T 02 hộp nhựa, và T đã mở ra lấy toàn bộ số vàng trong các hộp trên gồm: 01 dây chuyền, 02 nhẫn, và 01 vòng tay vàng rồi cả hai cùng đi chơi, tiêu sài hết 5.000.000 đồng và vứt bỏ các hộp nhựa ở khu vực cánh đồng ở Từ Sơn. Khoảng 18 giờ cùng ngày, cả hai về đến khu vực dốc đê thuộc xã Đ, huyện K, T tiếp tục bảo M đưa cho T 3.500.000 đồng. Sau đó, T đến cửa hàng cầm đồ của anh Vũ Văn Th, sinh năm 1979 ở đội 6, xã Đ, chuộc lại giấy phép lái xe ô tô của T đã cầm cố ở đó hết 2.600.000 đồng. Khi T chở M về nhà, M lại đưa tiếp cho T 8.000.000 đồng nữa *(M đã chia cho riêng T tổng số: 11.500.000 đồng và 01 dây chuyền, 02 nhẫn, 01 vòng tay vàng)*. Khi về nhà mình, M mở hộp trang sức còn lại thấy có 03 nhẫn, và 01 đôi hoa tai vàng rồi lại để số vàng này vào trong một hộp nhựa cất giấu tại chậu cây cảnh ở ngoài sân, M không kiểm tra lại số tiền mà đem cất giấu toàn bộ trong gian bếp cũ nhà mình. Sau đó, T tiếp tục tiêu sài hết 900.000 đồng, cất giấu 8.000.000 đồng ở gối trên giường ngủ và cất giấu số vàng dưới bát hương trên bàn thờ nhà mình.

Đến ngày 12/9/2017, Đào Văn M đã đầu thú tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân cùng đồng phạm, đã giao nộp: số tiền 185.400.000 đồng, và 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng, 03 nhẫn kim loại màu vàng - được niêm phong ký hiệu V2.

Ngày 13/9/2017, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã bắt khẩn cấp Nguyễn Đức T và thu giữ: số tiền 8.000.000 đồng, 02 nhẫn kim loại màu vàng, 01 vòng kim loại màu vàng, 01 dây chuyền mầu vàng - được niêm phong ký hiệu V1, V3.

Tại bản Kết luận giám định số 4684/C54 (P4) ngày 11/10/2017 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát, kết luận:

- Mẫu ký hiệu V1:

+ 01 vòng tay kim loại màu vàng có gắn đá màu trắng có tổng khối lượng (tính cả phần đá): 7,98 gam là vàng trang sức, phần kim loại có hàm lượng các nguyên tố: Vàng 58,43%; Đồng 29,59%; Kẽm 6,53%; Bạc 5,45%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn đá màu trắng có tổng khối lượng (tính cả phần đá): 2,14 gam là vàng trang sức, phần kim loại có hàm lượng các nguyên tố: Vàng 42,18%; Đồng 42,67%; Kẽm 7,98%; Bạc 7,17%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn đá màu hồng có tổng khối lượng (tính cả phần đá): 5,42 gam là vàng, phần kim loại có hàm lượng các nguyên tố: Vàng 98,11%; Bạc 1,89%.

- Mẫu ký hiệu V2:

+ 02 nhẫn tròn kim loại màu vàng có tổng khối lượng 15,02 gam là vàng, hàm lượng các nguyên tố: Vàng 98,22%; Bạc 1,78%.

+ 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình chữ nhật gắn đá màu đen có tổng khối lượng (tính cả phần đá): 12,24gam là vàng, phần kim loại có hàm lượng các nguyên tố: Vàng 99,13%; Bạc 0,87%.

+ 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng có gắn đá màu trắng có tổng khối lượng (tính cả phần đá): 2,92 gam là vàng trang sức, phần kim loại có hàm lượng các nguyên tố trung bình: Vàng 42,91%; Đồng 42,99%; Kẽm 8,21%; Bạc 5,89%.

- Mẫu ký hiệu V3: 01 dây chuyền kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 8,31 gam là vàng, hàm lượng các nguyên tố trung bình: Vàng 99,37%; Bạc 0,63%,(BL số: 64, 65).

Kết luận định giá tài sản số 57/HĐĐG-KL và Kết luận định giá tài sản bổ sung số 57[a]/HĐĐG-KL cùng ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận: 01 vòng tay kim loại màu vàng, 05 nhẫn kim loại màu vàng, 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng, có tổng giá trị 48.787.000 đồng; 01 két sắt, 01 tuốc nơ vít, 01 con dao, 05 hộp nhựa, 01 tai khóa cửa bên trái, có tổng giá trị là 1.690.000 đồng. Tổng các tài sản có giá trị là 50.477.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã thu giữ số tiền 193.400.000 đồng; số trang sức kim loại màu vàng gồm: 01 vòng đeo tay, 05 nhẫn, 02 hoa tai, 01 dây chuyền, 01 hộp nhựa; 01 két sắt; 01 tuốc nơ vít bị gãy; 01 thanh kim loại; 01 xe mô tô biển số 16F7-4318 cùng đăng ký xe mô tô; 01 áo khoác màu đen và 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh. Còn 01 con dao, 01 chiếc móc sắt do M đã vứt xuống ao, 04 hộp nhựa M, T đã vứt đi và các sim, điện thoại mà M, T đã dùng vào phạm tội các đối tượng đều đã làm mất, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện không quản lý được.

Ngày 09/11/2017 quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại số tiền 193.400.000 đồng; số trang sức kim loại màu vàng gồm: 01 vòng đeo tay, 05 nhẫn, 02 hoa tai, 01 dây chuyền, 01 hộp nhựa ; 01 két sắt cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, gia đình chị H yêu cầu buộc các bị cáo phải bồi thường tổng giá trị số tiền, tài sản bị chiếm đoạt chưa thu hồi hồi được,

các tài sản bị thiệt hại là 10.188.000 đồng. Tại phiên tòa, chị H xác định giữa chị và bị cáo M, T và gia đình các bị cáo đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong về việc bồi thường thiệt hại, nay chị H tự nguyện không yêu cầu tòa giải quyết về việc bồi thường thiệt hại tài sản. Ngoài ra, chị H đề nghị tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M và T.

Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn M 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2017.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về Xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên có kháng nghị số 02/QĐ-VKSKĐ kháng nghị phần trách nhiệm dân sự theo hướng truy thu số tiền 8.500.000 đồng của bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T để sung vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Hoàng Thị H xác định quan điểm như tại phiên toà sơ thẩm, chị tự nguyện không yêu cầu gì đối với các bị cáo về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên toà giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên và phát biểu quan điểm: Căn cứ kết quả xét hỏi tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận đối với số tiền 8.500.000đ các bị cáo chiếm đoạt các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại, mặc dù bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nhưng đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, do đó cần phải truy thu số tiền này của Đào Văn M, Nguyễn Đức T để tịch thu sung quỹ nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù lời khai của người bị hại và phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 10/9/2017, tại gia đình chị Hoàng Thị H ở thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T đã lợi dụng gia đình chị H vắng nhà, T ở ngoài cảnh giới, còn M đã lén lút phá khóa cửa đột nhập vào trong nhà chị H trộm cắp tài sản gồm 04 tập tiền (gồm: 01 tập tiền buộc nhiều tập loại mệnh giá 200.000 đồng và 03 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng số là 201.900.000 đồng) và 05 hộp nhựa đựng trang sức màu hồng (bên trong các hộp có: 05 nhẫn vàng; 01 đôi hoa tai vàng; 01 vòng tay vàng; 01 dây chuyền vàng). Bởi hành vi trên, bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T đã bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

Tại phiên toà phúc thẩm, bị hại chị Hoàng Thị H khai nhận do thấy điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo và gia đình các bị cáo khó khăn nên tại phiên toà sơ thẩm chị trình bày đã tự thoả thuận với các bị cáo, gia đình các bị cáo giải quyết xong về việc bồi thường thiệt hại và chị tự nguyện không yêu cầu gì đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự và chị H khẳng định đến nay các bị cáo cũng như gia đình các bị cáo chưa bồi thường, chị và gia đình chị chưa nhận lại số tiền 8.500.000 đồng trong tổng số tiền 201.900.000 đồng các bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị, đồng thời chị Hoàng Thị H khẳng định chị và gia đình chị vẫn giữ nguyên quan điểm tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 8.500.000 đồng mà các bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị; chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T xác định bản thân các bị cáo và gia đình các bị cáo chưa bồi thường số tiền 8.500.000 đồng trong tổng số tiền 201.900.000 đồng mà các bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị H, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Như vậy, cho thấy Toà án cấp sơ thẩm còn thiếu sót chưa làm rõ để xử lý đối với số tiền 8.500.000 đồng mà các bị cáo đã trộm cắp của người bị hại theo quy định của pháp luật, do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện K có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để truy thu số tiền 8.500.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Trách nhiệm liên đới theo kỷ phần của mỗi bị cáo cụ thể là truy thu của bị cáo Đào Văn M 4.500.000 đồng, truy thu của bị cáo Nguyễn Đức T 4.000.000 đồng.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 357; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên như sau:

*** Về xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu cho tiêu huỷ 01 tuốc nơ vít bị gãy, 01 thanh kim loại, 01 áo khoác màu đen và 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh.

- Trả lại ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1959, trú tại thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên 01 xe mô tô biển số 16F7-4318 cùng đăng ký xe mô tô biển số 16F7-4318.

(Chi tiết như Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 30/01/2018 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

- Truy thu của bị cáo Đào Văn M 4.500.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức T 4.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo không thi hành án về khoản tiền truy thu thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp, mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Các bị cáo Đào Văn M, Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu

***Nơi nhận*:**
- Vụ GĐKT1- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, VKS, CA huyện K;
- Bị cáo; Bị hại;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hưng Yên;
- Lưu HSVA, THC, VP.